

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-PT

Ngày 19 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Thái

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng

Ông Nguyễn Duy Sơn

-Thư ký phiên toà: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2017/TLPT - HS ngày 15 tháng 12 năm 2017, đối với bị cáo Chu Văn A do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

Bị cáo: Chu Văn A, sinh ngày 18/12/2000 (tính đến ngày phạm tội bị cáo 16 năm 06 tháng 12 ngày tuổi); nơi cư trú: xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn E và bà Bùi Thị G; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Tiền sử: Tại Quyết định số: 68/QĐ-XPHC ngày 03/9/2015 bị cáo bị Công an huyện B xử phạt hành chính về hành vi "trộm cắp tài sản". Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo có kháng cáo:

Bà Bùi Thị G, sinh năm 1976 (là mẹ đẻ của bị cáo A).

Cư trú tại: Khu 2, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn A: Ông Lê Văn H, sinh năm 1979 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h ngày 30/6/2017, Chu Văn A cùng Nguyễn Phương I, Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn M ngồi uống rượu tại quán ăn đêm của gia đình anh Nguyễn Xuân N ở giáp lề đường thuộc thôn O, xã P, huyện B. Khoảng 30 phút sau, A không muốn uống rượu nữa mà hỏi mượn của anh Nguyễn Văn M chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88F1 - 264.81 để đi chơi điện tử. Anh M đồng ý đưa chìa khóa cho A, A điều khiển đến quán Internet T của Phạm Văn U, sinh năm 1981 ở thôn O, xã P để chơi điện tử, đến chiều ngày 01/7/2017 không chơi nữa và thanh toán hết số tiền 50.000đ. Lúc này, A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 88F1 - 264.81 mượn được của anh M bán lấy tiền tiêu sài. A điều khiển xe mô tô trên đến bán cho anh Phùng Văn Q được 7.000.000đ. Số tiền có được do bán xe, A đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau nhiều lần liên lạc, tìm gặp A để đòi lại xe nhưng do A đã bán xe, không có khả năng trả lại tài sản và thường xuyên bỏ trốn nên anh Nguyễn Văn M có đơn gửi Cơ quan Công an đề nghị giải quyết. Quá trình xác minh, Cơ quan Công an huyện B đã tạm giữ của anh Phùng Văn Q 01 Giấy bán xe giữa anh Q và Chu Văn A, 01 xe mô tô BKS: 88F1 - 264.81, 01 Giấy đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm; của A 01 Giấy phép lái xe mô tô và 01 Giấy chứng minh nhân dân (toàn bộ số giấy tờ này đều mang tên Nguyễn Văn M, do anh Nam để trong cốp xe trước khi cho A mượn).

Căn cứ Quyết định trưng cầu định giá tài sản của Cơ quan điều tra, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B có Văn bản số: 30/2017/KL-ĐG ngày 27/7/2017 kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88F1 - 264.81 của anh Nguyễn Văn M bị A chiếm đoạt có giá trị bằng 12.000.000đ.

Với nội dung trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Chu Văn A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Chu Văn A 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về quyền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, người đại diện hợp pháp của bị cáo Chu Văn A là bà Bùi Thị G có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị G là người đại diện hợp pháp của bị cáo Chu Văn A. Áp dụng khoản điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt với mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo vì khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Chu Văn A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận:

Khoảng 20h30 phút ngày 30/6/2017, tại khu vực thôn O, xã P, huyện B, bị cáo Chu Văn A đã mượn của anh Nguyễn Văn M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88F1- 264.81 có trị giá là 12.000.000đ để đi chơi điện tử. Sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt và đã bán chiếc xe mô tô này cho anh Phùng Văn Q được 7.000.000đ để tiêu sài cá nhân.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Chu Văn A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bà Bùi Thị G là người đại diện hợp pháp của bị cáo Chu Văn A, Hội đồng xét xử thấy:

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo để quyết định xử phạt bị cáo 5 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo Chu Văn A không đưa ra được chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo nên việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của người đại diện hợp pháp của bị cáo cũng như người bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm bà Bùi Thị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị G là người đại diện hợp pháp của bị cáo Chu Văn A.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chu Văn A 05 (Năm) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Bùi Thị G phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện B;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- CCTHA dân sự huyện B;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị cáo.
- Lưu HS - Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Thái